UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 576 /QĐ-TTPTQĐ

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 11 (mười một) khu đất (gồm 56 lô đất phân lô) và 08 (tám) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định về giá đất và bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 31/2026/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục cho thuê ngắn hạn do Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2335/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố về việc phê duyệt Phương án quản lý, khai thác các cơ sở nhà, đất giao Trung tâm Phát triển quỹ đất quản lý;

Căn cứ Quyết định số 101/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc uỷ quyền phê duyệt đơn giá khởi điểm cho thuê quỹ đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đấu giá và Giá đất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

- Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm đối với 11 (mười một) khu đất (gồm 56 lô đất phân lô) tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

- Phê duyệt danh mục và đơn giá khởi điểm đối với 08 (tám) cơ sở nhà, đất tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ danh mục và đơn giá khởi điểm tại Điều 1 nêu trên, Phòng Đấu giá và Giá đất có trách nhiệm thực hiện các thủ tục liên quan, lựa chọn các tổ chức, cá nhân thuê đất ngắn hạn theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Trung tâm; Trưởng các phòng: Phòng Đấu giá và Giá đất; Phòng Quản lý và Phát triển quỹ đất; Phòng Bồi thường, Giải phóng mặt bằng và Đo đạc; Giám đốc các Chi nhánh khu vực trực thuộc Trung tâm và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Ban Giám đốc TT;
- Lưu VT, ĐG&GĐ.

GIÁM ĐỐC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Võ Nguyên Chương

PHỤ LỤC I

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 11 (mười một) khu đất (gồm 56 lô đất phân lô) trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 576 /QĐ-TTPTQĐ ngày 21/ 9 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng)

TT	Tên khu đất	Tên đường	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m^2)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m^2/năm)
I	**PHƯỜNG HÒA XUÂN**					
1	Khu đất ký hiệu B2-43 thuộc Khu E1 khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (gồm 11 lô: từ Lô 1 đến 11)	Trần Nam Trung	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	1.100,0	60 tháng	404.000
Ii	**PHƯỜNG HÒA KHÁNH**					
1	Khu đất ký hiệu A6 thuộc Khu dân cư Hòa Mỹ mở rộng (Lô số 89)	Đồng Trí 6	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	123,0	60 tháng	228.000
2	Khu đất ký hiệu B2.1* thuộc Khu DC phía Tây Nguyễn Huy Tưởng (gồm 4 lô: Lô số 1 đến 4)	Nguyễn Đình Tứ	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)	356,7	60 tháng	307.000
3	Khu đất ký hiệu B1-7 thuộc Khu dân cư Xí nghiệp gạch ngói Quảng Thắng (Lô số 225)	Thanh Nghị	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)	90,0	60 tháng	244.000
III	**PHƯỜNG LIÊN CHIỂU**					
1	Khu TĐC Thanh Vinh 3 (gồm 02 lô: lô số 58 và 59)	Âu Cơ	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	201,1	60 tháng	113.000

TT	Tên khu đất	Tên đường	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m^2)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê đất (đồng/m^2/năm)
2	Khu DC chợ và phố chợ Hòa Khánh, đường Ninh Tốn (gồm 02 lô: lô số 24 và 26)	Ninh Tốn	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	195,0	60 tháng	326.000
IV	**PHƯỜNG HÒA CƯỜNG**					
1	Khu đất ký hiệu B2-3 thuộc Khu TĐC tại lô A3 thuộc đồ án ven sông từ Cổ Viện Chàm đến Công Ty Sông Thu (Lô số 18)	2 MT đường Bình Minh 6 và Bình Minh 2	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	128,0	60 tháng	721.000
2	Khu đất ký hiệu B1.2 thuộc Khu 494 Núi Thành -thuộc tổng thể DA Tây Nam Hòa Cường (gồm 12 lô: lô số 2 đến 13)	Trịnh Công Sơn	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	1.117,5	60 tháng	473.000
3	Khu đất ký hiệu B1.3 thuộc Khu 494 Núi Thành -thuộc tổng thể DA Tây Nam Hòa Cường (Lô số 32)	Trịnh Công Sơn	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	106,0	60 tháng	473.000
VI	**PHƯỜNG AN KHÊ**					
1	Khu đất ký hiệu B2-8 thuộc Khu TĐC Phước Lý 2 (gồm 20 lô: lô số 24 đến 43)	Đinh Liệt	Đất công trình giao thông (công trình kho bãi, nhà để xe ô tô, bãi đỗ xe, kết hợp chăm sóc xe)	2.445,8	60 tháng	222.000
2	Khu đất ký hiệu B2-4 thuộc Dự ự á Phước Lý 4, Hòa An (Lô số 1)	Phan Khoang và Nhơn Hòa 12	Đất Thương mại dịch vụ (Kinh doanh ăn uống, giải khát; Kinh doanh sinh vật cảnh, cây cảnh; cửa hàng giới thiệu trưng bày, mua bán sản phẩm...)	206,1	60 tháng	137.497

PHỤ LỤC II

Danh mục và đơn giá khởi điểm làm cơ sở cho thuê đất ngắn hạn đối với 08 (tám) cơ sở nhà, đất trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Kèm theo Quyết định số 576/QĐ-TTPTQĐ ngày 21/9 /2026 của Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố Đà Nẵng)

STT	Cơ sở nhà, đất	Xã, phường	Mục đích sử dụng nhà, đất	Diện tích đất (m²)	Diện tích sàn sử dụng nhà (m²)	Thời hạn cho thuê	Đơn giá khởi điểm cho thuê cơ sở nhà, đất (đồng/m²/năm)
1	Trạm Kiểm dịch động vật Hòa Phước (cũ) - Quốc lộ 1A	phường Hòa Xuân	Thương mại, dịch vụ	280,50	174,0	60 tháng	421.456
2	Trạm Kiểm lâm thị xã Điện Bàn (cũ), 166 Trần Nhân Tông	phường Điện Bàn	Thương mại, dịch vụ	340,00	281,0	60 tháng	110.225
3	Đất Trường Mầm non Vĩnh Điện cũ (Mẫu giáo Hoa Phượng)	phường Điện Bàn	Thương mại, dịch vụ	1.217,20	Đất trống	60 tháng	62.001
4	Khu đất trụ sở BQLDA đầu tư xây dựng thị xã Điện Bàn (Cũ)	phường Điện Bàn	Thương mại, dịch vụ	739,40	Đất trống	60 tháng	64.262
5	Cơ sở nhà, đất số 01A Lê Đình Dương	phường Bàn Thạch	Thương mại, dịch vụ	4.998,75	682,0	60 tháng	108.625
6	Trụ sở các Hội xã hội phường Phước Hoà (cũ), số 112 Phan Đình Phùng	phường Tam Kỳ	Thương mại, dịch vụ	143,60	260,5	60 tháng	460.632
7	Cơ sở nhà, đất số 248 Phan Châu Trinh	phường Tam Kỳ	Thương mại, dịch vụ	181,10	362,2	60 tháng	527.863
8	Trụ sở Đội Thuế Phước Hoà - Hoà Hương (cũ), đường Ngô Chân Lưu	phường Tam Kỳ	Thương mại, dịch vụ	71,40	72,0	60 tháng	129.259